

KỶ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI THÀNH PHỐ
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM HỌC 2025-2026

BẢNG THỐNG KÊ KẾT QUẢ THI

Trường	CNCN		CNNN		Địa lí		GDKT&PL		Hoá học		Lịch sử		Ngữ văn		Sinh học		Tiếng Anh		Tin học		Toán		Vật lí		Toàn đoàn	
	Điểm	XH	Điểm	XH	Điểm	XH	Điểm	XH	Điểm	XH	Điểm	XH	Điểm	XH	Điểm	XH	Điểm	XH	Điểm	XH	Điểm	XH	Điểm	XH	Điểm	XH
THPT Thanh Miện	13	4	-	39	12	13	14	7	22	1	6	44	8	22	32	1	14	14	10	5	16	7	14	8	161	1
THPT Tứ Kỳ	3	34	16	1	12	13	14	7	22	1	17	5	10	16	9	20	23	1	9	9	16	7	6	30	157	2
THPT Thanh Hà	6	19	-	39	18	5	14	7	19	4	14	11	6	29	11	15	18	5	7	16	23	2	20	3	156	3
THPT Thái Phiên	11	7	3	21	7	30	21	3	19	4	9	23	13	9	12	12	21	3	12	4	18	4	8	21	154	4
THPT Phạm Ngũ Lão	6	19	4	17	7	30	7	29	14	9	7	34	20	3	13	9	12	17	18	3	18	4	22	2	148	5
THPT An Dương	13	4	10	6	19	4	13	13	8	20	16	6	9	19	11	15	11	20	7	16	20	3	8	21	145	6
THPT Quang Trung	15	3	4	17	24	1	11	17	8	20	24	2	10	16	18	2	5	42	8	13	12	13	6	30	145	6
THPT Nguyễn Trãi	16	1	2	27	14	8	7	29	22	1	23	3	6	29	11	15	8	26	10	5	16	7	9	17	144	8
THPT Ninh Giang	5	26	4	17	5	41	10	20	7	25	26	1	26	1	3	41	9	23	5	25	31	1	12	10	143	9
THPT An Lão	4	29	12	4	14	8	14	7	5	37	9	23	22	2	6	30	11	20	25	2	5	33	12	10	139	10
THPT Ngô Quyền	12	6	2	27	7	30	15	6	6	32	15	8	12	11	13	9	22	2	5	25	14	11	11	12	134	11
THPT Bạch Đằng	8	14	13	3	12	13	27	1	8	20	16	6	3	46	9	20	6	37	10	5	6	30	7	26	125	12
THPT Kim Thành	11	7	6	9	11	17	12	15	10	14	13	15	9	19	18	2	13	15	3	39	12	13	7	26	125	12
THPT Kiến Thụy	8	14	2	27	7	30	26	2	6	32	11	19	13	9	6	30	19	4	8	13	8	24	6	30	120	14
THPT Gia Lộc	5	26	-	39	4	46	16	5	17	6	9	23	9	19	17	4	10	22	9	9	11	19	10	14	117	15
THPT chuyên Trần Phú	7	17	-	39	10	18	9	22	12	11	3	61	10	16	11	15	18	5	26	1	4	36	6	30	116	16
THPT Hồng Quang	-	55	-	39	8	27	6	35	12	11	9	23	6	29	12	12	12	17	6	21	7	26	38	1	116	16
THPT Chí Linh	4	29	-	39	17	7	17	4	10	14	13	15	19	5	6	30	7	33	5	25	9	22	8	21	115	18
THPT Kinh Môn	6	19	-	39	4	46	6	35	15	8	12	17	8	22	14	8	16	10	6	21	12	13	13	9	112	19
THPT Thanh Miện II	6	19	12	4	6	36	7	29	17	6	14	11	8	22	15	7	8	26	5	25	7	26	6	30	111	20
THPT Vĩnh Bảo	-	55	8	7	13	10	14	7	3	42	8	31	18	6	16	5	3	49	4	31	13	12	11	12	111	20
THPT chuyên Nguyễn Trãi	16	1	14	2	1	64	7	29	8	20	4	57	2	53	8	22	15	12	9	9	15	10	9	17	108	22
THPT Lý Thường Kiệt	4	29	5	15	18	5	13	13	7	25	6	44	15	8	13	9	13	15	1	55	3	43	10	14	108	22
THPT Hồng Bàng	11	7	1	33	10	18	5	41	8	20	8	31	12	11	16	5	18	5	6	21	5	33	2	51	102	24
THPT Cẩm Giàng	-	55	-	39	13	10	9	22	7	25	20	4	20	3	4	38	8	26	10	5	4	36	5	40	100	25
THPT Nam Sách	9	12	6	9	4	46	11	17	7	25	15	8	4	44	8	22	7	33	3	39	9	22	15	6	98	26
THPT Bình Giang	4	29	-	39	5	41	6	35	14	9	10	21	7	25	12	12	4	46	4	31	7	26	18	4	91	27
THPT Lê Quý Đôn	2	40	8	7	12	13	9	22	10	14	3	61	5	35	8	22	7	33	4	31	12	13	6	30	86	28
THPT Kiến An	-	55	6	9	13	10	3	50	2	49	5	50	16	7	4	38	15	12	2	44	12	13	5	40	83	29
THPT Nguyễn Văn Cừ	5	26	6	9	22	2	12	15	3	42	8	31	3	46	1	53	5	42	4	31	4	36	10	14	83	29
THPT Phúc Thành	6	19	-	39	10	18	4	45	3	42	9	23	1	65	8	22	2	54	4	31	18	4	17	5	82	31
THPT Nguyễn Bình Khiêm	3	34	-	39	10	18	10	20	12	11	4	57	3	46	7	26	8	26	2	44	12	13	6	30	77	32
THPT Tiên Lãng	1	47	-	39	5	41	1	69	10	14	7	34	11	15	7	26	7	33	8	13	11	19	4	45	72	33

Trường	CNCN		CNNN		Địa lí		GDKT&PL		Hoá học		Lịch sử		Ngữ văn		Sinh học		Tiếng Anh		Tin học		Toán		Vật lí		Toàn đoàn	
	Điểm	XH	Điểm	XH	Điểm	XH	Điểm	XH	Điểm	XH	Điểm	XH	Điểm	XH	Điểm	XH	Điểm	XH	Điểm	XH	Điểm	XH	Điểm	XH	Điểm	XH
THPT Trần Nguyên Hãn	6	19	1	33	3	52	6	35	2	49	11	19	-	75	3	41	18	5	1	55	6	30	15	6	72	33
THPT Lê Hồng Phong	-	55	-	39	3	52	2	58	9	18	15	8	7	25	4	38	16	10	7	16	5	33	2	51	70	35
THPT Đoàn Thượng	2	40	-	39	5	41	14	7	9	18	7	34	6	29	5	34	8	26	1	55	3	43	9	17	69	36
THPT Mạc Đĩnh Chi	10	10	-	39	-	73	9	22	6	32	2	69	12	11	3	41	6	37	5	25	6	30	6	30	65	37
THPT Gia Lộc II	6	19	-	39	21	3	3	50	2	49	9	23	7	25	1	53	1	64	3	39	3	43	8	21	64	38
THPT Quang Trung - Ninh Giang	-	55	-	39	2	56	2	58	4	39	6	44	7	25	5	34	5	42	9	9	10	21	5	40	55	39
THPT Trần Hưng Đạo	3	34	3	21	10	18	3	50	-	65	7	34	5	35	-	60	8	26	7	16	2	48	5	40	53	40
THPT Nhị Chiểu	2	40	-	39	8	27	2	58	7	25	3	61	3	46	1	53	2	54	7	16	7	26	9	17	51	41
THPT Hà Đông	10	10	5	15	6	36	2	58	6	32	3	61	6	29	-	60	4	46	2	44	4	36	2	51	50	42
THPT Đồ Sơn	-	55	3	21	6	36	9	22	2	49	4	57	5	35	5	34	6	37	1	55	4	36	3	48	48	43
THPT Hưng Đạo	4	29	-	39	8	27	11	17	2	49	10	21	5	35	-	60	-	70	2	44	1	57	5	40	48	43
THPT Đồng Gia	1	47	2	27	9	24	2	58	7	25	12	17	-	75	-	60	2	54	2	44	1	57	8	21	46	45
THPT Đường An	9	12	-	39	9	24	3	50	2	49	6	44	3	46	2	45	-	70	4	31	-	66	7	26	45	46
THPT Hải An	3	34	-	39	2	56	4	45	1	58	5	50	12	11	-	60	12	17	2	44	1	57	1	58	43	47
THPT Phả Lại	3	34	-	39	7	30	6	35	3	42	9	23	6	29	-	60	1	64	2	44	2	48	4	45	43	47
THPT Nam Sách II	1	47	6	9	4	46	4	45	2	49	14	11	-	75	1	53	-	70	3	39	1	57	2	51	38	49
THPT Hà Bắc	-	55	-	39	3	52	5	41	4	39	7	34	1	65	7	26	2	54	1	55	1	57	6	30	37	50
THPT Khúc Thừa Dụ	2	40	3	21	4	46	7	29	1	58	7	34	1	65	2	45	4	46	2	44	2	48	2	51	37	50
THPT Thanh Miện III	1	47	-	39	1	64	9	22	7	25	2	69	5	35	2	45	-	70	2	44	1	57	6	30	36	52
THPT Thủy Sơn	8	14	3	21	7	30	5	41	-	65	7	34	2	53	-	60	-	70	1	55	1	57	-	67	34	53
THPT Cầu Xe	-	55	-	39	-	73	2	58	6	32	7	34	5	35	-	60	2	54	-	69	4	36	7	26	33	54
THPT Toàn Thắng	-	55	-	39	3	52	3	50	1	58	7	34	2	53	-	60	1	64	4	31	8	24	4	45	33	54
THPT Thanh Bình	1	47	-	39	5	41	9	22	4	39	7	34	2	53	2	45	-	70	-	69	2	48	-	67	32	56
THPT Kim Thành II	1	47	-	39	4	46	4	45	-	65	14	11	2	53	3	41	-	70	-	69	-	66	3	48	31	57
THPT Hùng Thắng	-	55	1	33	1	64	3	50	-	65	5	50	3	46	10	19	3	49	-	69	2	48	1	58	29	58
THPT Lê Ích Mộc	1	47	-	39	1	64	1	69	3	42	6	44	5	35	2	45	-	70	3	39	3	43	3	48	28	59
THPT Tuệ Tĩnh	-	55	-	39	1	64	-	79	1	58	3	61	5	35	7	26	3	49	2	44	4	36	2	51	28	59
THPT Bến Tắm	-	55	4	17	6	36	2	58	5	37	1	77	2	53	-	60	2	54	1	55	3	43	1	58	27	61
THPT Lê Chân	2	40	-	39	10	18	-	79	2	49	3	61	-	75	5	34	3	49	1	55	-	66	1	58	27	61
THPT Kê Sắt	-	55	-	39	2	56	1	69	2	49	2	69	5	35	2	45	6	37	1	55	2	48	1	58	24	63
THPT Nguyễn Du	2	40	-	39	-	73	3	50	-	65	-	85	2	53	2	45	9	23	4	31	1	57	1	58	24	63
THPT Trần Phú	-	55	-	39	9	24	5	41	1	58	6	44	2	53	-	60	1	64	-	69	-	66	-	67	24	63
THPT Cộng Hiền	-	55	-	39	1	64	2	58	3	42	2	69	4	44	6	30	2	54	1	55	2	48	-	67	23	66
THPT Tô Hiệu	-	55	1	33	2	56	1	69	1	58	5	50	1	65	2	45	-	70	5	25	2	48	1	58	21	67
THPT Cẩm Giàng II	-	55	3	21	1	64	1	69	1	58	9	23	2	53	-	60	-	70	-	69	2	48	1	58	20	68
THPT Thăng Long	-	55	-	39	6	36	-	79	-	65	5	50	-	75	-	60	8	26	-	69	-	66	1	58	20	68



Trường	CNCN		CNNN		Địa lí		GDKT&PL		Hoá học		Lịch sử		Ngữ văn		Sinh học		Tiếng Anh		Tin học		Toán		Vật lí		Toàn đoàn	
	Điểm	XH	Điểm	XH	Điểm	XH	Điểm	XH	Điểm	XH	Điểm	XH	Điểm	XH	Điểm	XH	Điểm	XH	Điểm	XH	Điểm	XH	Điểm	XH	Điểm	XH
TH-THCS-THPT Vinschool Imperia	-	55	-	39	1	64	2	58	-	65	-	85	1	65	-	60	9	23	6	21	-	66	-	67	19	70
TH-THCS-THPT Dewey	-	55	-	39	-	73	-	79	-	65	-	85	-	75	-	60	18	5	-	69	-	66	-	67	18	71
THPT Thụy Hương	7	17	6	9	-	73	1	69	-	65	-	85	-	75	-	60	-	70	1	55	1	57	-	67	16	72
THPT Quốc Tuấn	3	34	-	39	2	56	7	29	-	65	-	85	2	53	1	53	-	70	-	69	-	66	-	67	15	73
THPT Kinh Môn II	-	55	-	39	2	56	6	35	-	65	5	50	-	75	1	53	-	70	-	69	-	66	-	67	14	74
THPT Mạc Đĩnh Chi - Nam Sách	-	55	1	33	1	64	2	58	-	65	4	57	2	53	-	60	1	64	1	55	-	66	2	51	14	74
THPT Đồng Hoà	1	47	-	39	2	56	1	69	-	65	2	69	3	46	-	60	2	54	1	55	-	66	-	67	12	76
THCS-THPT FPT	-	55	-	39	-	73	-	79	-	65	2	69	-	75	1	53	6	37	2	44	-	66	-	67	11	77
THPT Nguyễn Đức Cảnh	2	40	2	27	-	73	1	69	-	65	2	69	-	75	-	60	-	70	1	55	-	66	-	67	8	78
THCS-THPT Marie Curie	-	55	-	39	-	73	-	79	-	65	-	85	1	65	-	60	5	42	-	69	-	66	-	67	6	79
THPT An Hải	-	55	-	39	-	73	3	50	-	65	3	61	-	75	-	60	-	70	-	69	-	66	-	67	6	79
THPT Ninh Giang II	-	55	-	39	2	56	-	79	-	65	3	61	1	65	-	60	-	70	-	69	-	66	-	67	6	79
THPT Chu Văn An	-	55	-	39	-	73	4	45	-	65	1	77	-	75	-	60	-	70	-	69	-	66	-	67	5	82
THPT Phan Đăng Lưu	-	55	-	39	-	73	-	79	-	65	5	50	-	75	-	60	-	70	-	69	-	66	-	67	5	82
THPT Hàng Hải	-	55	-	39	-	73	-	79	-	65	1	77	1	65	-	60	2	54	-	69	-	66	-	67	4	84
THPT Nam Triệu	-	55	2	27	-	73	1	69	-	65	1	77	-	75	-	60	-	70	-	69	-	66	-	67	4	84
THPT Cát Hải	-	55	-	39	-	73	-	79	3	42	-	85	-	75	-	60	-	70	-	69	-	66	-	67	3	86
THPT Vũ Ngọc Phan	-	55	-	39	-	73	2	58	-	65	-	85	-	75	-	60	1	64	-	69	-	66	-	67	3	86
TH-THCS-THPT Alpha Hải Phòng	-	55	-	39	-	73	-	79	-	65	-	85	-	75	-	60	3	49	-	69	-	66	-	67	3	86
THPT Cát Bà	-	55	-	39	-	73	-	79	-	65	1	77	1	65	-	60	-	70	-	69	-	66	-	67	2	89
THPT Hữu nghị Quốc tế	-	55	-	39	-	73	-	79	-	65	-	85	2	53	-	60	-	70	-	69	-	66	-	67	2	89
THPT Lương Thế Vinh - Hải Dương	-	55	-	39	-	73	-	79	-	65	2	69	-	75	-	60	-	70	-	69	-	66	-	67	2	89
THPT Marie Curie	-	55	-	39	-	73	-	79	-	65	-	85	-	75	-	60	2	54	-	69	-	66	-	67	2	89
THPT Nhữ Văn Lan	-	55	-	39	-	73	1	69	-	65	-	85	1	65	-	60	-	70	-	69	-	66	-	67	2	89
THPT Hàng Hải 1	-	55	1	33	-	73	-	79	-	65	-	85	-	75	-	60	-	70	-	69	-	66	-	67	1	94
THPT Hồng Đức	-	55	-	39	-	73	-	79	-	65	1	77	-	75	-	60	-	70	-	69	-	66	-	67	1	94
THPT Nguyễn Khuyến	-	55	-	39	-	73	-	79	-	65	1	77	-	75	-	60	-	70	-	69	-	66	-	67	1	94
THPT Phan Chu Trinh	-	55	-	39	-	73	-	79	-	65	1	77	-	75	-	60	-	70	-	69	-	66	-	67	1	94

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

